

Kết quả hoạt động của trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM Kiến nghị phát triển giáo dục đại học ngoài công lập

NGND.GS.TS. NGUYỄN THANH TUYỀN & TS. DƯƠNG TẤN DIỆP

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP. HCM (UEF) đã nhanh chóng đạt được những kết quả đáng khích lệ sau 5 năm hoạt động, trong đó nổi bật nhất là việc xây dựng một mô hình đào tạo chất lượng cao và bước đầu có khả năng liên thông quốc tế. Tuy nhiên, tương tự như các trường đại học ngoài công lập khác, UEF cũng có những khó khăn riêng. Từ việc phân tích những khó khăn cơ bản của các trường đại học ngoài công lập nói chung và UEF nói riêng, tác giả đưa ra một số kiến nghị liên quan đến quan điểm, chính sách, và giải pháp để tạo động lực phát triển cho hệ thống đại học ngoài công lập theo chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Từ khóa: Xã hội hóa giáo dục; mô hình đào tạo chất lượng cao; quyền sở hữu; cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý; chuẩn đầu ra theo quy định; dư luận bất lợi; nhận thức về đại học ngoài công lập; động lực đầu tư; tính tự chủ.

Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP. HCM (UEF) là một trường tư thục, thành lập năm 2007 theo chủ trương xã hội hóa giáo dục, với sứ mạng được xác lập là một trường đại học đào tạo chất lượng cao, hướng đến sự hội nhập và liên thông quốc tế. Với sứ mạng đó, sau 5 năm hoạt động, những kết quả ban đầu đáng khích lệ về việc triển khai một mô hình đào tạo tiên tiến đã được nhìn thấy. Tuy nhiên, tương tự như các trường đại học ngoài công lập khác, UEF vẫn còn gặp không ít khó khăn, trong đó có những khó khăn xuất phát từ cơ chế và chính sách.

1. Kết quả hoạt động của UEF

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, các nhà sáng lập đã nhất quán khẳng định ý tưởng thực hiện

duy nhất một mô hình đào tạo chất lượng cao (và do đó, thu học phí cao) cho toàn bộ SV trúng tuyển vào UEF. Điều này rất khác biệt với cách tổ chức đào tạo một vài lớp chất lượng cao ở một số trường đại học khác.

Để làm điều đó, nhà trường đã triển khai 4 khâu mang tính đột phá:

Một là xây dựng chương trình đào tạo hướng đến chuẩn đầu ra toàn diện, chú trọng cả tư duy, kiến thức, lẫn kỹ năng và thái độ, vừa phù hợp với đặc điểm VN vừa từng bước liên thông với các trường đại học đối tác ở Hoa Kỳ.

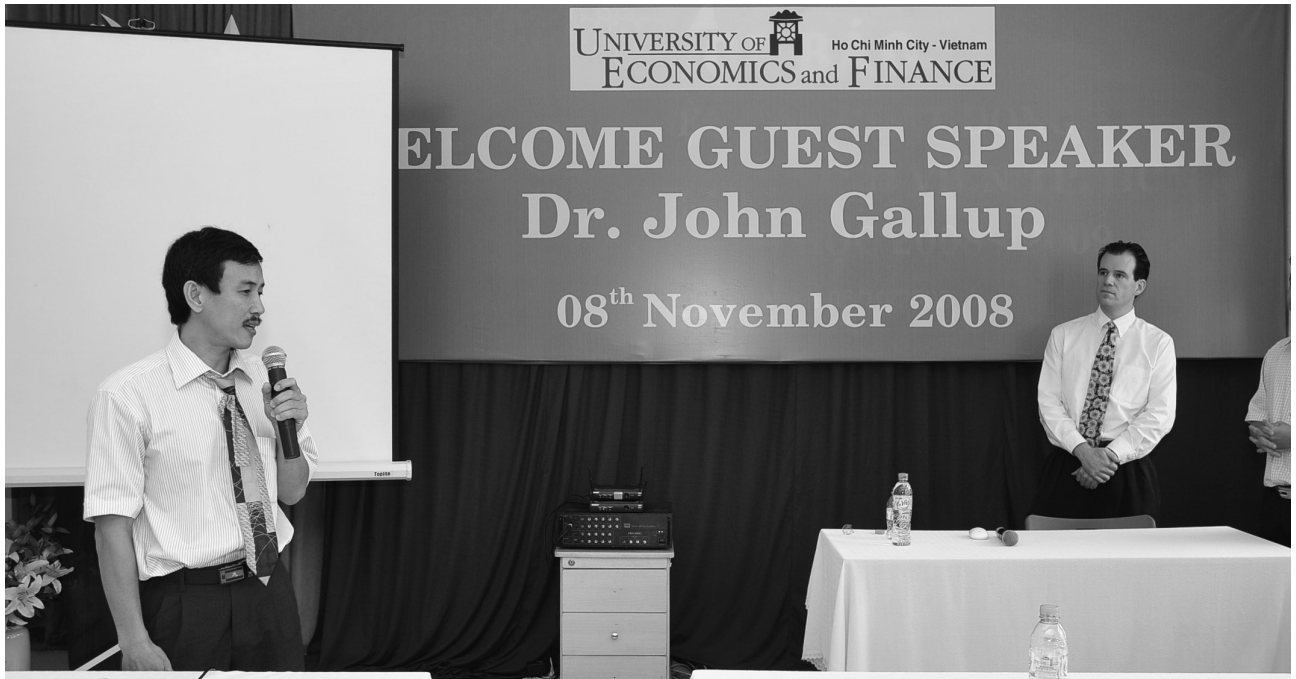
Hai là nghiên cứu các phương pháp giảng dạy mới, tiên tiến, nhằm phát huy tối đa khả năng tư duy độc lập và phát triển các kỹ năng quan trọng cho người học. Các phương

pháp giảng dạy này được thực hiện bởi những giảng viên giỏi, được tuyển chọn và tập huấn theo một quy trình chuẩn mực.

Ba là đầu tư cơ sở vật chất tương thích với mô hình đào tạo mới; lớp học nhỏ, trang thiết bị tiện nghi, hiện đại; ứng dụng thành tựu công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, học tập, và quản lý.

Bốn là xây dựng chiến lược đào tạo gắn kết với thực tiễn, thực hiện song song hai quá trình: quá trình đưa thực tế vào cho SV và quá trình dẫn dắt SV ra thực tế. Cơ sở để thực hiện chiến lược này chính là sự kết nối chặt chẽ giữa nhà trường với doanh nghiệp.

Thực hiện mô hình đào tạo mới, nhà trường đã triển khai hàng loạt giải pháp đảm bảo chất lượng cũng như đảm bảo thực hiện được các



mục tiêu đề ra. Một trong những điểm mấu chốt là thay đổi quan điểm và phương pháp giảng dạy. Hầu hết giảng viên, kể cả những giảng viên đầu ngành hoặc đứng đầu các môn học ở các trường đại học VN trước đây đều giảng dạy theo quan điểm cung cấp kiến thức, ít chú ý đến việc phát triển tư duy, và càng không quan tâm đến kỹ năng người học. Phương pháp giảng dạy thì khá thụ động, chủ yếu truyền đạt kiến thức một chiều từ người dạy sang người học theo kiểu thuyết giảng, thậm chí mang tính áp đặt và nhồi nhét, làm mất đi khả năng tư duy độc lập và sáng tạo của người học. Khắc phục nhược điểm đó, giảng viên UEF đã hoàn toàn thay đổi quan điểm cũng như phương pháp giảng dạy sau các khóa huấn luyện do giáo sư nước ngoài đảm trách cùng các buổi hội thảo và thực hành thao giảng nội bộ được liên tục tổ chức. Nhờ vậy, toàn bộ giảng viên giảng dạy tại UEF đều áp dụng các phương pháp giảng dạy mới và đã đạt hiệu quả rất tốt.

Thực tế cho thấy với mô hình này SV có sự thay đổi và trưởng thành khá nhanh, tạo sự khác biệt lớn giữa năng lực đầu ra so với đầu vào. Nhiều SV có điểm trúng tuyển đầu vào không cao nhưng khi tốt nghiệp đã được đón nhận bởi các công ty, các ngân hàng lớn, trong đó có cả doanh nghiệp được xếp hàng đầu trên thế giới. Nhiều phụ huynh đã bày tỏ sự hài lòng với mô hình đào tạo tại UEF.

Để đạt được những kết quả nêu trên, nhà trường đã phải chi những khoản đầu tư lớn và chi phí thường xuyên rất cao nếu tính bình quân trên đầu SV. Từ việc đảm bảo cơ sở vật chất khang trang, tổ chức lớp học nhỏ, phòng học máy lạnh, trang thiết bị hiện đại và tiện nghi, cho đến việc chi trả thù lao cao cho giảng viên, trợ giảng,... tất cả đều làm tăng chi phí cao gấp nhiều lần so với mô hình đào tạo thông thường. Vì vậy, mặc dù học phí được xem là cao so với mặt bằng chung của các trường đại học VN (nhưng thấp hơn nhiều so với các trường phổ thông quốc tế cũng như

các trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài), UEF vẫn phải bù lỗ liên tục suốt mấy năm qua. Mặc dù tỷ lệ bù lỗ giảm dần, nhưng đến nay con số bù lỗ hàng năm vẫn còn khá lớn. Tuy nhiên, vì chí hướng của những người sáng lập trường là mong muốn xây dựng một ngôi trường đào tạo chất lượng cao đích thực, hướng đến tương lai xa, nên vẫn tiếp tục chấp nhận bù lỗ để thực hiện đúng sứ mạng mà nhà trường đã tự xác định.

Bên cạnh chương trình đào tạo trong nước, UEF còn liên kết với các trường đại học Hoa Kỳ đào tạo trình độ cử nhân theo phương thức 2+2. Điều đáng ghi nhận là các trường đối tác của Hoa Kỳ chấp nhận kết quả học tập theo chương trình trong nước ở 2 năm đầu đối với những môn học trùng với chương trình đào tạo của trường bạn, nghĩa là SV UEF không cần học lại những môn này khi chuyên tiếp sang học 2 năm sau tại Hoa Kỳ. Ngoài ra, ngay cả một số trường đại học chưa ký hợp tác đào tạo với UEF cũng tiếp nhận SV UEF theo

chương trình 2+2. Qua đó cho thấy kết quả đào tạo của UEF đã được khẳng định về mặt chất lượng, và bước đầu đã có liên thông quốc tế.

2. Khó khăn của UEF và các trường đại học ngoài công lập nói chung

2.1. Khó khăn về quyền sở hữu, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý

Về mặt quản lý nhà nước, một loạt văn bản liên quan đến các trường đại học và cao đẳng ngoài công lập lần lượt được ban hành:

- Năm 2000: Quy chế trường Đại học dân lập (Quyết định 86/2000/QĐ-TTg)

- Năm 2001: Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường ngoài công lập (Quyết định 39/2001/QĐ-BGD&ĐT)

- Năm 2005: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục (Quyết định 14/2005/QĐ-TTg)

- Năm 2005: Luật Giáo dục 2005

- Năm 2009: Quy chế tổ chức và hoạt động trường đại học tư thục (Quyết định 61/2009/QĐ-TTg).

- Năm 2009: Điều lệ trường cao đẳng (Thông tư 14/2009/TT-BGDĐT)

- Năm 2011: Quyết định sửa đổi một số điều khoản trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục theo Quyết định 61/2009/QĐ-TTg (Quyết định 63/2011/QĐ-TTg)

- Năm 2012: Luật giáo dục đại học (Nghị quyết số 51/2001/QH10)

Trong những văn bản nêu trên, quan điểm về quyền sở hữu tài sản cũng như về cơ cấu tổ chức quản lý có những thay đổi mà đôi khi theo các chiều hướng khác nhau và thậm chí có những điểm không nhất quán ngay trong cùng một

văn bản [1]. Chủ trương chung là khuyến khích xã hội hóa giáo dục, mong muốn huy động nguồn vốn ngoài ngân sách tham gia đầu tư cho giáo dục. Thế nhưng, các quy định về quyền sở hữu tài sản, cơ cấu tổ chức cũng như cơ chế quản lý đối với các trường ngoài công lập thì dường như làm giảm động lực của các nhà đầu tư, thể hiện ở hai điểm:

Một là: Đối với trường dân lập, người góp vốn không được xem là chủ sở hữu của trường mà chỉ được xem như người cho vay, vốn góp được hưởng lãi suất và từng bước được hoàn lại. Các trường này, nếu càng đầu tư phát triển cơ sở vật chất, làm tăng giá trị tài sản chung càng nhiều, thì những người góp vốn đầu tư xây dựng trường sẽ càng mất quyền kiểm soát đối với nhà trường khi chuyển sang tư thục, bởi lẽ tỷ lệ vốn sở hữu chung chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong khi người đại diện cho vốn sở hữu chung (được quyền tham gia biểu quyết như một cổ đông) có thể là người không có vốn góp.

Hai là: Trong quá trình điều hành trường, quyền tham gia của người góp vốn được thực hiện nhờ vào việc cử người vào Hội đồng quản trị. Nhưng những người đại diện này chỉ là một thành phần trong Hội đồng quản trị, bởi lẽ theo Quy chế trường đại học dân lập [2] và Luật giáo dục đại học [3] thì có nhiều thành viên đương nhiên trong Hội đồng quản trị trường dân lập và trường tư thục không nhất thiết phải có vốn góp. Và như vậy, “Hội đồng quản trị là tổ chức đại diện duy nhất cho chủ sở hữu của nhà trường” lại buộc phải bao gồm những thành phần không có góp vốn vào trường. Việc này, nếu

không phải do bắt buộc mà là do chính những người góp vốn – tức Đại hội đồng cổ đông – tự nguyện đề cử, tương tự như Luật doanh nghiệp, thì lại là điều tốt.

E rằng những quy định như vậy là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của các trường ngoài công lập.

Đối với UEF, thời gian qua không gặp những khó khăn nêu trên, bởi lẽ ngay từ đầu thành lập đã được xác định là trường đại học tư thục, hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường đại học tư thục do Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2005 (Quyết định 14/2005/QĐ-TTg). Theo đó, tại Điều 16, Khoản 2 thì “Các thành viên của Hội đồng quản trị là cổ đông, có quốc tịch VN, có sức khỏe và được bầu ra trong Đại hội đồng cổ đông”. Tuy nhiên, sắp tới đây sẽ có thay đổi, bởi theo Luật giáo dục đại học bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2013 thì Hội đồng quản trị buộc phải có thêm các thành phần không nhất thiết là cổ đông. Và như thế, chức năng “đại diện cho chủ sở hữu của nhà trường” cũng sẽ có vấn đề; động lực tăng vốn đầu tư cho trường e rằng cũng sẽ có vấn đề.

2.2. Khó khăn về đất đai

Theo Quyết định 07/2009/QĐ-TTg [4] thì một trong những điều kiện thành lập trường đại học là: “Có tổng diện tích đất xây dựng trường không ít hơn 5 ha; thực hiện mức bình quân tối thiểu diện tích 25m²/1 SV tính tại thời điểm trường có quy mô đào tạo cao nhất trong kế hoạch đào tạo giai đoạn 10 năm đầu sau khi thành lập.”

Nếu xét theo tiêu chuẩn trên thì không riêng các trường ngoài công lập mà ngay cả các trường công lập cũng có rất nhiều trường

không đất, kể cả các trường đại học công lập lớn, lâu năm và có danh tiếng ở VN. Theo GS. Trần Hồng Quân [5], tại Hà Nội, trừ Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Hà Tây, bình quân các trường còn lại chỉ đạt 13m²/SV, trong đó có đến 40% chưa đạt 5m²/SV, và có những trường đạt mức rất thấp như ĐH Kinh tế quốc dân 2,97m²/SV, ĐH Thương mại và ĐH Ngoại thương 1,8m²/SV, ĐH Luật 0,67 m²/SV. Theo GS. Trần Hồng Quân, diện tích bình quân của các trường công lập tại TP. HCM còn thấp hơn nữa.

Đối với nhiều trường không đạt chuẩn quy định về đất đai, cả công lập lẫn tư thực, ngoài khó khăn về vốn còn có khó khăn về việc cấp đất, công tác đền bù giải tỏa, và các vấn đề khác liên quan đến thủ tục pháp lý. Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn 135/2008/TT-BTC [6] thì “Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành”. Thế nhưng, tinh thần Nghị định này dường như không thực hiện được trong thực tế, nhất là ở các thành phố lớn - nơi có nhiều trường đại học và cao đẳng đang tọa lạc.

Trường UEF đã được UBND TP. HCM giao hơn 40 ha đất, trong đó nhà trường quyết định đầu tư trước cho giai đoạn 1 là 5 ha. Liên tục những năm qua nhà trường đã hết sức nỗ lực thực hiện việc đền bù, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn

và trở ngại nhưng đến nay đã hoàn tất được hơn 85% diện tích trên khu đất 5 ha. Tuy nhiên, phần còn lại cũng không phải dễ dàng. Tiếp đến, trường còn phải mất nhiều thời gian và công sức cho việc hoàn tất các thủ tục pháp lý trước khi khởi công. Bên cạnh đó, khoản đầu tư lớn cho việc xây dựng cũng cần phải chuẩn bị ngay từ bây giờ. Đứng trước hoàn cảnh khó khăn như vậy, nhà trường lại phải đối mặt với nguy cơ bị “đình chỉ hoạt động giáo dục” và “giải thể trường” nếu không thực hiện kịp yêu cầu xây dựng cơ sở trường trong năm 2013 theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng chung của cả khu vực vẫn còn đang trong quá trình thảo luận để triển khai, mà nếu việc triển khai bị kéo dài cũng sẽ là một nguyên nhân làm chậm tiến độ xây dựng so với yêu cầu của Bộ.

Không riêng trường ngoài công lập, các trường công lập cũng gặp khó khăn. Có trường đại học công lập lớn ở TP. HCM, hơn 30 năm qua vẫn chưa giải quyết được đất xây dựng trường, vẫn phải chấp nhận một diện tích đất bình quân trên đầu SV rất thấp với tổng số SV hàng năm lên đến vài chục ngàn.

Như vậy, vấn đề đất đai đối với trường đại học là vấn đề nan giải chung, không chỉ đối với các trường ngoài công lập mà ngay cả đối với các trường công lập lâu năm và được ngân sách chính phủ tài trợ. Thế nhưng, do công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện trước ở các trường ngoài công lập là chính, nên thông tin dư luận trực tiếp hướng vào các trường ngoài công lập, càng làm tăng thêm cách nhìn thiếu thiện cảm và sự lo ngại không đáng có đối với hệ thống này.

Mặt khác, chuẩn diện tích đất quy định 25m²/SV có thực sự là chuẩn hợp lý hay không trong điều kiện hiện nay, nhất là ở các thành phố lớn như TP.HCM, cũng là vấn đề nên được xem xét. Rõ ràng, diện tích đất rộng là niềm mơ ước của tất cả các trường đại học, và các trường đại học VN cần nỗ lực thực hiện mơ ước đó. Thế nhưng, quy định chuẩn diện tích cao mà thiếu các giải pháp thiết thực để hỗ trợ thực hiện thì các trường sẽ gặp nhiều khó khăn.

2.3. Khó khăn về dư luận bất lợi đối với các trường ngoài công lập

Mặc dù còn những vấn đề, những trường hợp chưa tốt, cần xử lý, nhưng nhìn chung các trường ngoài công lập đã đóng góp một phần không nhỏ trong sự nghiệp phát triển giáo dục ở nước ta. Tuy nhiên, dư luận xã hội có vẻ chưa thực công bằng đối với các trường này. Cùng một khuyết điểm, nếu xảy ra ở một trường công lập thì có thể không là vấn đề lớn, nhưng nếu xảy ra ở một trường ngoài công lập thì trở thành vấn đề bị dư luận mổ xẻ, gây tâm lý mất thiện cảm và e ngại, trong khi đa số các trường này đang hết sức nỗ lực góp công góp sức để phát triển hệ thống giáo dục nước nhà.

Gần đây, một số ngân hàng, công ty, và kể cả cơ quan hành chính địa phương đã đưa ra một trong các tiêu chí tuyển dụng là chỉ nhận SV tốt nghiệp từ các trường công lập (và hệ chính quy). Tiêu chí này đã thẳng thừng loại bỏ SV ngoài công lập, cho dù trong đó có thể có những SV rất giỏi.

Trong khi đó, Thông tư 135/2008/TT-BTC về việc hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP đã ghi: “Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động



cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập”. Xem ra tinh thần xã hội hóa giáo dục của Nghị định 69 đã không được thể hiện tốt trong thực tế.

Đặc biệt vừa qua, quyết định đình chỉ tuyển sinh và cảnh báo một số trường do diện tích đất hoặc chưa xây dựng cơ sở học tập hoặc tỷ lệ SV/giảng viên chưa đạt chuẩn, mà trong đó tập trung chính vẫn là các trường ngoài công lập, càng làm tăng thêm cái nhìn bất an đối với hệ thống ngoài công lập. Nếu việc này xảy ra trên cơ sở kiểm tra đánh giá tổng thể, bao gồm toàn bộ các trường đại học và cao đẳng cả nước thì xã hội sẽ không có cái nhìn thiên lệch, bởi lẽ nhiều trường công lập, kể cả những trường lớn và phát triển lâu đời, cũng rơi vào tình trạng này.

Những hiện tượng nêu trên đã tạo một cảm giác bất an cho người học khi đến với các trường ngoài công lập, trong khi không ít trường thực sự nỗ lực trong việc nâng cao

và đảm bảo chất lượng đào tạo, thậm chí có thể vượt qua nhiều trường công lập. Phải chăng, đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả tuyển sinh của các trường ngoài công lập? Điều này đã và sẽ tạo ra những tác động không tốt đối với chính sách xã hội hóa giáo dục, cũng có nghĩa là góp phần làm chậm lại quá trình phát triển nền giáo dục nước nhà mà lẽ ra đang cần nỗ lực thúc đẩy.

3. Một số kiến nghị

Từ những khó khăn nêu trên, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị sau:

3.1. Chấn chỉnh nhận thức về đại học ngoài công lập

Xã hội hóa giáo dục là một chủ trương hết sức đúng đắn, nhất là trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục còn hạn chế. Vì vậy, cần có những chính sách, những giải pháp mang tính khả thi, thực sự có tác dụng kích thích sẽ phát triển các trường đại học ngoài công lập, cả về số lượng

lẫn chất lượng. Cần nhanh chóng chấn chỉnh những nhận thức lệch lạc về các trường ngoài công lập, tạo lập thái độ đối xử bình đẳng giữa người học ở trường công lập và trường ngoài công lập, từ cách chính sách xã hội đến chính sách tuyển dụng.

3.2. Gia tăng động lực đầu tư phát triển giáo dục ngoài công lập

Như đã phân tích, ý tưởng đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đã được Đảng và Nhà nước khẳng định rất rõ ràng. Thế nhưng, trong các văn bản pháp quy, có những điều khoản đã chưa tạo được sự an tâm cho những người góp vốn làm trường. Vì vậy, nên xem xét lại các văn bản có liên quan, đồng thời nghiên cứu để có những văn bản dưới luật thực sự tạo động lực và môi trường cho các trường ngoài công lập hoạt động tốt, song hành với các trường đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân. Về mặt này, hai vấn đề có ý nghĩa quyết định cần quan tâm chính là quyền sở hữu và quyền điều hành (thông qua cơ



cấu tổ chức và cơ chế quản lý) của những người góp vốn.

3.3. *Mở hướng giải quyết vấn đề đất đai và cơ sở vật chất của các trường ngoài công lập*

Quy định chuẩn đất đai có thể là điều cần thiết, nhưng bao nhiêu là hợp lý, có nên đánh đồng một chuẩn cho tất cả các địa phương hay không – đó cũng là vấn đề nên xem xét thêm. Tuy nhiên, điều quan trọng là cần tính đến điều kiện thực hiện của các trường, trong đó có vai trò rất lớn của chính quyền địa phương.

Ngoài ra, đất rộng chưa hẳn là yếu tố làm nên chất lượng. Một trường đại học có thể đất không rộng nhưng diện tích sàn xây dựng tính trên đầu SV đạt chuẩn, cơ sở phòng ốc khang trang, trang thiết bị tiện nghi và hiện đại, giảng viên giỏi, phương pháp giảng dạy tốt,... vẫn có thể đạt chất lượng đào tạo cao. Ngược lại, một trường đại học có đất rộng thênh thang nhưng thiếu vắng “cái hồn” quyết định cho

chất lượng thì cũng không thể đảm bảo chất lượng đào tạo tốt. Vì vậy, nên chăng, đối với những trường mặc dù chưa có đất nhưng có cơ sở thuê mượn ổn định (ví dụ 10, 15, 20 năm chẳng hạn) và đạt chuẩn về định mức diện tích sàn, có phương thức tổ chức đào tạo tốt, chất lượng đầu ra đảm bảo thì vẫn được chấp nhận, ít nhất trong một giai đoạn nhất định khi mà tình hình chung về đất đai cho các trường đại học vẫn chưa được giải quyết rõ ràng?

Hơn nữa, bản thân người học luôn có sự lựa chọn của mình. Tất cả các yếu tố về khuôn viên trường, cơ sở học tập, giảng viên, phương pháp giảng dạy, học phí,... đều được người học đặt lên bàn cân khi quyết định chọn trường này hay trường khác. Những trường tốt sẽ tồn tại, những trường không tốt sẽ bị đào thải theo quy luật cạnh tranh.

Còn nếu phải xử lý các trường ngoài công lập không đạt chuẩn về đất đai và cơ sở vật chất nói chung, thì việc xử lý nên được đặt trong

bối cảnh tổng thể của hệ thống các trường đại học và cao đẳng trong cả nước, bao gồm cả các trường công lập. Không nên cắt riêng một số trường kiểm tra trước để đình chỉ tuyển sinh hay đóng cửa trong khi có thể có những trường khác kém hơn nhưng “may mắn” hơn là chưa bị kiểm tra nên vẫn hoạt động bình thường. Biết đâu khi đứng trên góc nhìn tổng thể thì giải pháp xử lý sẽ hoàn toàn khác. Còn nếu chưa kịp kiểm tra tổng thể thì việc xử lý các trường bị kiểm tra trước chỉ nên ở mức độ cảnh báo, nên kéo dài thời hạn cho phép khắc phục một mức thỏa đáng nào đó, và tốt hơn nữa là nên cân nhắc đến những yếu tố nằm ngoài quyền quyết định của trường để đảm bảo những trường này có đủ điều kiện triển khai các biện pháp khắc phục. Thực tế, gần như không tưởng để làm được một việc là trong vòng 1 năm có thể có được quyền sử dụng 5 ha đất làm trường nếu như trước đó chưa hoàn thành phần lớn khối lượng đền bù giải tỏa, trừ trường hợp chính quyền địa phương có sẵn đất sạch giao cho trường.

Ngoài ra, chính sách ưu đãi trong việc vay vốn xây dựng trường cũng nên được duy trì, vì nếu không thì các trường cũng sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính. Đầu tư vào trường đại học là đầu tư mang tính dài hạn, nhất là đối với những trường chú trọng chất lượng đào tạo. Trong môi trường cạnh tranh, khi đặt chất lượng lên hàng đầu thì sẽ không có khái niệm siêu lợi nhuận trong giáo dục như một số người vẫn thường nhắc đến trước đây. Vì vậy, những khoản vay ưu đãi thực sự rất cần thiết để phát triển các trường đại học lớn mà không có sự tài trợ từ ngân sách hay các nguồn khác.

3.4. Nâng cao tính tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo

Nói về quyền tự chủ, có nhiều khía cạnh để bàn. Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến sự tự chủ trong việc xây dựng chương trình đào tạo. Có hai ý kiến muốn đề xuất thảo luận:

Một là: Việc bắt buộc các trường đại học tuân thủ Chương trình khung một cách cứng nhắc sẽ gây khó khăn cho việc cải tiến chương trình đào tạo, tạo bất tiện cho việc liên thông quốc tế. Chương trình khung được xây dựng bởi một ít chuyên gia, dựa vào nhận thức tại thời điểm xây dựng chương trình và suốt bao năm qua không được cập nhật thì khó bắt kịp những xu thế mới trong đào tạo. Một môn học khi đã nằm trong Chương trình khung thì các trường không dám thay đổi, kể cả về nội dung lẫn tên môn học hay số tín chỉ, ngay khi môn học đó không phù hợp, không cần thiết, hoặc nên được thay thế bằng môn học khác. Hơn nữa, việc xây dựng chương trình đào tạo cần phải đáp ứng một yêu cầu quan trọng khác là tạo thuận lợi cho việc liên thông trong nước cũng như nước ngoài.

Vì vậy, nên chăng, Chương trình khung chỉ đóng vai trò như là một chương trình tham khảo. Hãy để các trường tự xây dựng chương trình đào tạo theo quan điểm và mục tiêu đào tạo riêng, hoặc ít ra là cho phép các trường được quyền thay đổi tên môn học, thay đổi số tín chỉ và nội dung môn học trong từng ngành, phù hợp với hệ thống chương trình đào tạo chung của toàn trường và đảm bảo nội dung môn học được cập nhật theo thời gian.

Hai là: Việc giao cho một

trường thẩm định chương trình đào tạo của trường khác (trong đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ) trong khi đó là 2 trường ngang cấp có phải là cách làm hợp lý hay không? Thiết nghĩ, nếu nhất thiết phải thẩm định thì nên giao cho một Hội đồng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, bao gồm những chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo ở các trường, không nên giao cho trường đại học này thẩm định chương trình của trường đại học kia như một điều kiện để được cấp phép đào tạo.

Tóm lại, mọi người đều biết hệ thống giáo dục đại học VN đang còn rất non yếu, ngay khi so sánh với các nước trong khu vực. Trong khi đó, mặc dù tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục đã gia tăng đáng kể, nhưng về giá trị tuyệt đối thì vẫn còn rất hạn chế so với yêu cầu phát triển giáo dục nước nhà. Điều này, cùng với thực tế đóng góp của các trường ngoài công lập mấy năm qua, đã khẳng định một lần nữa sự đúng đắn của chính sách xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Vấn đề bây giờ là cần những chính sách, những quyết định thực thi hợp lý, có tác dụng khuyến khích thực sự, tạo động lực thực sự cho các trường ngoài công lập phát triển, không chỉ nhằm đạt được mục tiêu đảm nhiệm 40% số SV đào tạo vào năm 2020 mà còn thực hiện điều đó một cách có chất lượng. Hơn thế nữa, điều này còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế về giáo dục – một thực trạng đang từng bước gia tăng ở VN. Thúc đẩy sự phát triển các trường đại học nói chung, các trường đại học ngoài công lập nói riêng, sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh giáo dục với các nước khác, cũng là góp phần nâng

cao năng lực cạnh tranh của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay ●

CHÚ THÍCH & TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Dương Tấn Diệp, “Quyền sở hữu tài sản các trường đại học và cao đẳng ngoài công lập dưới góc nhìn theo quan điểm phát triển”, Tạp chí *Phát triển và hội nhập*, số 5, 2012.

[2] Quy chế trường đại học dân lập (Quyết định 86/2000/QĐ-TTg), Điều 15 quy định Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 7 người, trong đó có các thành phần: (1) Đại diện Ban lãnh đạo của tổ chức xin thành lập trường; (2) Đại diện các nhà đầu tư về tài chính, tài sản để xây dựng trường; (3) Đại diện cho giảng viên, cán bộ và nhân viên cơ hữu của trường; (4) Hiệu trưởng; (5) Đại diện cấp ủy Đảng cơ sở của trường.

[3] Luật giáo dục đại học (2012), Điều 17, Khoản 3 quy định trong thành phần Hội đồng quản trị có Hiệu trưởng; đại diện cơ quan quản lý địa phương nơi cơ sở giáo dục đại học có trụ sở; đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể; đại diện giảng viên.

[4] Quyết định 07/2009/QĐ-TTg ngày 15/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Ban hành điều kiện và thủ tục thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học”, Điều 2, Khoản 5.

[5] GS.TS. Trần Hồng Quân, Chủ tịch Hiệp hội các trường ĐH, CĐ ngoài công lập VN, nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Thư gửi đồng chí Phạm Vũ Luận – Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

[6] Nghị định 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Thông tư 135/2008/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 69/2008/NĐ-CP.